

TRƯỜNG THPT TẠ QUANG BỬU

TỔ GDCD

-----//-----

BÀI GIẢNG OFFLINE MÔN GDCD KHỐI 12

Từ ngày 20/9/2021 – 25/9/ 2021

BÀI 1: PHÁP LUẬT VÀ ĐỜI SỐNG

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Học xong bài này học sinh sẽ có được những kiến thức cơ bản sau:

- Hiểu được khái niệm, 3 đặc trưng, 2 bản chất của PL.
- Vai trò của PL đối với đời sống của mỗi cá nhân, NN và XH.
- Có ý thức tôn trọng pháp luật; tự giác sống, học tập theo quy định PL
- Biết đánh giá hành vi xử sự của bản thân và những người xung quanh theo các chuẩn mực của pháp luật.
- Kỹ năng tư duy phê phán, hợp tác, phân tích.

II. NHIỆM VỤ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH:

NỘI DUNG	NHIỆM VỤ
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	1. Học sinh nghiên cứu SGK GDCD 12, bài “Pháp luật và đời sống” từ trang 4 đến trang 11 (nếu có sách giáo khoa). Nếu học sinh không có sách giáo khoa có thể tham khảo “Nội dung bài học - kiến thức trọng tâm” đính kèm. 2. Học sinh học thuộc mục III. NỘI DUNG BÀI HỌC - KIẾN THỨC TRỌNG TÂM
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	- Học sinh cần nắm được kiến thức trọng tâm của bài học - Học sinh tự làm bài tập củng cố bằng cách ghi đáp án tự luận và trắc nghiệm vào khung “bài làm”. Hạn chót ngày 26/9/2021 học sinh nộp phần bài làm (có thể làm ra giấy tập rồi chụp hình gửi hoặc gửi file Word) cho lớp trưởng, lớp trưởng tổng hợp gửi cho giáo viên bộ môn GDCD qua Zalo. - Học sinh gặp khó khăn trong quá trình tự học có thể nêu ra cho GV giải đáp, tháo gỡ vào tiết học online tiếp theo.

III. NỘI DUNG BÀI HỌC - KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1. Pháp luật

a) Khái niệm?

* PL là hệ thống các qui tắc xử sự chung do nhà nước ban hành và đảm bảo thực hiện bằng quyền lực nhà nước.

b) Các đặc trưng của pháp luật

- **Tính qui phạm phổ biến:** PL là những qui tắc xử sự chung, áp dụng với tất cả mọi người, trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

- **Tính quyền lực, bắt buộc chung:** Pháp luật bắt buộc đối với tất cả tổ chức và cá nhân, bất kỳ ai cũng phải thực hiện, bất kỳ ai cũng phải tuân theo các quy định của pháp luật

- **Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức:**

+ Hình thức thể hiện của PL là các văn bản qui phạm PL, văn bản diễn đạt chính xác, dễ hiểu.

+ Thẩm quyền ban hành văn bản QPPL của các cơ quan nhà nước được quy định trong Hiến pháp và Luật Ban hành văn bản QPPL

+ Các văn bản QPPL nằm trong một hệ thống thống nhất: Văn bản do cơ quan cấp dưới ban hành không được trái với văn bản của cơ quan cấp trên; nội dung của tất cả các văn bản đều phải phù hợp, không được trái Hiến pháp và Hiến pháp là luật cơ bản của Nhà nước.

2. Bản chất của pháp luật

PL vừa mang bản chất giai cấp, vừa mang bản chất xã hội.

a) Bản chất giai cấp của pháp luật

- PL do Nhà nước ban hành phù hợp với ý chí nguyện vọng của giai cấp cầm quyền mà nhà nước là đại diện.

b) Bản chất xã hội của pháp luật

+ Các qui phạm PL bắt nguồn từ thực tiễn đời sống xã hội; do thực tiễn cuộc sống đòi hỏi

+ PL không chỉ phản ánh ý chí của giai cấp thống trị mà còn phản ánh nhu cầu, lợi ích của các giai cấp và các tầng lớp dân cư khác nhau trong xã hội.

+ Các QPPL được thực hiện trong thực tiễn đời sống xã hội, vì sự phát triển của xã hội.

c. Quan hệ giữa pháp luật với đạo đức

+ Trong hàng loạt các quy phạm của pháp luật luôn thể hiện các quan niệm đạo đức có tính phổ biến phù hợp với sự phát triển của tiến bộ và công bằng xã hội,

+ Pháp luật là một phương tiện đặc thù để thể hiện và bảo vệ các giá trị đạo đức

+ Những giá trị cơ bản nhất của PL như công bằng, bình đẳng, tự do, lẽ phải... cũng là những giá trị đạo đức cao cả mà con người luôn hướng tới.

4. Vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội.

a. Pháp luật là phương tiện để nhà nước quản lý xã hội.

- Không có pháp luật xã hội sẽ không có trật tự, ổn định, không thể tồn tại và phát triển được.

- Nhờ có pháp luật, nhà nước phát huy được quyền lực của mình và kiểm tra, kiểm soát được các hoạt động của mọi cá nhân, tổ chức, cơ quan trong phạm vi lãnh thổ.

b) Pháp luật là phương tiện để công dân thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

- Quyền và nghĩa vụ của công dân được quy định trong các văn bản QPPL, trong đó quy định rõ công dân được phép làm gì. Căn cứ vào các quy định này, công dân thực hiện quyền của mình.

IV. BÀI TẬP Củng Cố:

1. TỰ LUẬN: Học sinh trả lời 3 câu hỏi sau:

Câu 1. Em hãy kể tên một số luật mà em biết, những luật đó do ai ban hành, nhằm mục đích gì?(VD: Luật Giáo dục...)

Câu 2. Khi tính mạng, tài sản, quyền tự do...của mình bị đe dọa một cách bất hợp pháp bởi tổ chức, cá nhân. Chúng ta sẽ làm gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình?

Câu 3. Pháp luật có vai trò gì đối với mỗi công dân?

2. TRẮC NGHIỆM: Học sinh ghi đáp án mình chọn vào khung bên dưới

Câu 1. Hệ thống quy tắc xử sự chung do nhà nước xây dựng, ban hành và được đảm bảo thực hiện bằng quyền lực của nhà nước là nội dung của khái niệm nào sau đây?

A. Quy định. B. Quy chế. C. Pháp luật. D. Quy tắc.

Câu 2. Mỗi quy tắc xử sự được thể hiện thành

A. một quy phạm pháp luật. B. một số quy định pháp luật.
C. nhiều quy định pháp luật. D. nhiều quy phạm pháp luật.

Câu 3. Pháp luật gồm những đặc trưng nào?

A. Tính quy phạm phổ biến, tính quyền lực, bắt buộc chung, tính xác định chặt chẽ về hình thức.
B. Tính quyền lực, bắt buộc chung, tính khoa học, nhân đạo và quần chúng rộng rãi.
C. Tính quy phạm phổ biến, nhân đạo, quần chúng rộng rãi và tính xác định chặt chẽ về hình thức.

D. Tính thực tiễn, tính quy phạm phổ biến, tính quyền lực, bắt buộc chung.

Câu 4. Đặc trưng nào sau đây phân biệt sự khác nhau giữa đạo đức và pháp luật?

- A. Tính quy phạm phổ biến. B. Tính quyền lực, bắt buộc chung.
C. Tính xác định chặt chẽ về hình thức. D. Tính thực tiễn xã hội.

Câu 5. Tính quy phạm phổ biến của pháp luật được hiểu là

- A. những qui tắc xử sự chung, được áp dụng nhiều lần, ở nhiều nơi, đối với tất cả mọi người, trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.
B. những qui tắc xử sự chung, được áp dụng một lần đối với tất cả mọi người, trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.
C. những qui tắc xử sự chung, được áp dụng ở nhiều nơi, đối với tất cả mọi người.
D. những qui tắc xử sự chung, được áp dụng nhiều lần, trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Câu 6. Pháp luật mang bản chất của

- A. giai cấp cầm quyền. B. giai cấp đa số. C. giai cấp thiểu số. D. giai cấp bị trị.

Câu 7. Pháp luật mang bản chất xã hội vì pháp luật bắt nguồn từ

- A. xã hội. B. chính trị. C. kinh tế. D. đạo đức.

Câu 8. Bản chất xã hội của pháp luật thể hiện ở

- A. Pháp luật bắt nguồn từ xã hội, do các thành viên của xã hội thực hiện, vì sự phát triển của xã hội
B. Pháp luật được ban hành vì sự phát triển của xã hội.
C. Pháp luật phản ánh những nhu cầu, lợi ích của các tầng lớp trong xã hội.
D. Pháp luật bảo vệ quyền tự do, dân chủ rộng rãi cho nhân dân lao động.

Câu 9. Bản chất của pháp luật được thể hiện ở góc độ nào?

- A. Pháp luật vừa mang bản chất giai cấp vừa mang bản chất xã hội.
B. Pháp luật mang bản chất của giai cấp thống trị.
C. Pháp luật mang bản chất của giai cấp công nhân.
D. Pháp luật mang bản chất của giai cấp nông dân và giai cấp công nhân

Câu 10. Đề xử lý người có hành vi xâm hại đến lợi ích của giai cấp cầm quyền, nhà nước sử dụng quyền lực có tính cưỡng chế. Khẳng định này là nội dung nào dưới đây của pháp luật?

- A. Đặc trưng của pháp luật B. Bản chất của pháp luật C. Vai trò của pháp luật D. Chức năng của pháp luật

Câu 11. Pháp luật do nhà nước ban hành phù hợp với ý chí của giai cấp cầm quyền. Nội dung đó thể hiện bản chất nào dưới đây của pháp luật?

- A. Chính trị B. Kinh tế C. Xã hội D. Giai cấp

Câu 12. Vi phạm pháp luật là xâm hại đến lợi ích nhà nước, nhận định này đề cập đến

A. Chức năng pháp luật B. Bản chất của pháp luật C. Đặc trưng của pháp luật D. Vai trò của pháp luật

Câu 13. Trong hàng loạt các quy phạm pháp luật luôn thể hiện các quan niệm về

A. kinh tế. B. dân sự. C. đạo đức. D. chính trị.

Câu 14. Phương tiện đặc thù để thể hiện và bảo vệ các giá trị đạo đức xã hội là

A. kinh tế. B. chính trị. C. pháp luật. D. văn hóa.

Câu 15. Trong hàng loạt quy phạm pháp luật luôn thể hiện các quan niệm đạo đức và nhiều quy phạm đạo đức có tính phổ biến, phù hợp với sự phát triển, tiến bộ của xã hội. Điều đó thể hiện mối quan hệ giữa pháp luật với

A. kinh tế. B. chính trị. C. đạo đức. D. văn hóa.

Câu 16. Pháp luật là phương tiện đặc thù để thể hiện và bảo vệ

A. các giá trị đạo đức. B. các giá trị tinh thần. C. các lợi ích cá nhân. D. các lợi ích của Nhà nước.

Câu 17. Công cụ quản lý xã hội hiệu quả nhất của Nhà nước là

A. thể chế chính trị. B. phong tục tập quán. C. chuẩn mực xã hội. D. Hiến pháp và pháp luật.

Câu 18. Đối với nhà nước, pháp luật có vai trò

A. là phương tiện để quản lý xã hội. B. là công cụ để bảo vệ quyền lợi của giai cấp cầm quyền.
C. là biện pháp duy nhất để quản lý xã hội. D. là cách để thể hiện quyền lực của giai cấp cầm quyền.

Câu 19. Đối với xã hội, pháp luật có vai trò

A. giúp xã hội ổn định, trật tự và phát triển. B. giúp cho xã hội không còn tội phạm.
C. giúp cho xã hội không có tệ nạn xã hội. D. giúp cho xã hội tiến bộ.

Câu 20. Đề cập vai trò của pháp luật, không có pháp luật xã hội sẽ không có

A. dân chủ và hạnh phúc. B. hòa bình và dân chủ. C. trật tự và ổn định. D. sức mạnh và quyền lực.

Câu 21. Theo Nghị định 46/CP, công dân không đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông sẽ bị phạt từ 100.000đ – 200.000đ. Hình thức xử phạt trên thể hiện

A. Tính quy phạm phổ biến. B. Tính quyền lực, bắt buộc chung.
C. Tính xác định chặt chẽ về hình thức. D. Tính thực tiễn xã hội.

Câu 22. Học sinh vi phạm luật giao thông đường bộ. Ai có quyền xử phạt?

A. Giáo viên chủ nhiệm. B. Hiệu trưởng. C. Cảnh sát giao thông. D. Công an phường.

Câu 23. Mọi văn bản quy phạm pháp luật cấp dưới không được trái với các văn bản do cấp trên ban hành là thể hiện đặc trưng

- A. Tính quy phạm phổ biến. B. Tính quyền lực, bắt buộc chung.
C. Tính xác định chặt chẽ về hình thức. D. Tính thực tiễn xã hội.

Câu 24. Bạn A thắc mắc, tại sao mọi quy định trong Luật kinh doanh đều phù hợp với nội dung “Mọi công dân đều có quyền kinh doanh mọi ngành nghề pháp luật không cấm” trong Hiến pháp. Em sử dụng đặc trưng nào sau đây để giải thích cho bạn?

- A. Tính quy phạm phổ biến. B. Tính quyền lực, bắt buộc chung.
C. Tính xác định chặt chẽ về hình thức. D. Tính thực tiễn xã hội.

Câu 25. Trong mỗi gia đình các con luôn có bốn phận yêu quý, kính trọng, biết ơn, hiếu thảo với ông bà,cha mẹ. Điều này thể hiện

- A. pháp luật và đạo đức quan hệ chặt chẽ với nhau. B. pháp luật và đạo đức độc lập với nhau.
C. pháp luật vào đạo đức phụ thuộc nhau. D. pháp luật và đạo đức gắn bó nhau.

Câu 26. Ông A đã đưa hối lộ cho anh B (cán bộ hải quan) để hàng hóa của mình nhập khẩu nhanh mà không cần làm thủ tục hải quan mất nhiều thời gian. Hành vi A liên quan đến quy tắc xử sự nào sau đây?

- A. Pháp luật và đạo đức. B. Pháp luật và thói quen. C. Pháp luật và lương tâm. D. Pháp luật và trách nhiệm.

Câu 27 . Cha anh A già yếu, bệnh tật. Anh A thấy ông là gánh nặng của mình nên muốn đưa vào viện dưỡng lão không nuôi mặc dù điều kiện kinh tế của anh rất tốt. Nếu là bạn của anh A, em sẽ

- A. ủng hộ việc làm của anh A. B. mặc kệ vì đó là việc riêng của A.
C. nói mọi người nghe việc làm của anh A. D. khuyên giải cho A hiểu đã sai về đạo đức và pháp luật.

Câu 28. Nhờ có luật sư tư vấn nên việc khiếu nại của gia đình ông B đã được giải quyết. Trường hợp này đã thể hiện pháp luật là phương tiện để công dân bảo vệ

- A. quyền và nghĩa vụ của mình. B. quyền và trách nhiệm của mình.
C. quyền và lợi ích hợp pháp của mình. D. quyền và nghĩa vụ hợp pháp của mình.

Câu 29. Công ty Z kinh doanh thuốc trừ sâu, đợt kiểm tra cơ quan thuế đã phát hiện gian lận gần 100 tỷ đồng, lập hồ sơ và buộc họ phải khắc phục ngay vi phạm. Trường hợp này cho thấy

- A.pháp luật kiểm soát được hoạt động kinh doanh. B. pháp luật đảm bảo quyền của công ty.
C.pháp luật bảo vệ nghĩa vụ công ty. D. pháp luật buộc công ty phải thực hiện quyền của mình.

Câu 30. A lừa B chiếm đoạt một số tiền lớn và đe dọa nếu để người khác biết sẽ thanh toán B. Trong trường hợp này, theo em B phải làm gì để bảo vệ mình?

- A. Im lặng là tốt nhất, của đi thay người. B. Tâm sự với bạn bè nhờ giúp đỡ.
C. Đăng facebook xem ai dám làm gì mình. D. Cung cấp chứng cứ và nhờ công an can thiệp

V. BÀI LÀM

Trường: THPT Tạ Quang Bửu

Lớp:.....

Họ tên học sinh:.....

ĐÁP ÁN BÀI TẬP TỰ LUẬN

Câu 1.....

Câu 2.....

Câu 3.....

ĐÁP ÁN BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

1-	2-	3-	4-	5-	6-	7-	8-	9-	10-
11-	12-	13-	14-	15-	16-	17-	18-	19-	20-
21-	22-	23-	24-	25-	26-	27-	28-	29-	30-